

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-ST

Ngày: 06 - 7 - 2022

V/v “T/c hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Trung

2. Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp 3, xã Đ, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn H1**, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp 2, xã T1, huyện T, tỉnh Long An.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn H: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H xác định ông khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn H1 trả số tiền 1.140.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Đề nghị của bị đơn – ông Phạm Văn H1: Trong quá trình giải quyết vụ án ông H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông H.

Các tình tiết của vụ án:

Những nội dung các đương sự thống nhất:

Ông Nguyễn Văn H và ông Phạm Văn H1 thống nhất: Ngày 04/11/2021, ông H có giao 143 tờ vé số cho ông H1, mệnh giá 10.000 đồng/tờ; ông H1 có nhận đủ 143 tờ vé số, ứng với số tiền 1.430.000 đồng. Thống nhất ông X đã trả 290.000 đồng (ứng với 29 tờ vé số), nên số tiền hai bên tranh chấp là 114 tờ vé số, trị giá 1.140.000 đồng.

Những nội dung các đương sự không thống nhất được:

* *Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn H trình bày:* Ngày 04/11/2021, tại nhà ông Vương Văn K đang tổ chức tiệc nhậu, khi đó mới bắt đầu vào tiệc, chưa ai uống rượu hay bia hết thì ông H ghé nhà bán vé số thì được ông K mời ở lại chơi, nghĩ anh em thân tình nên ông H ở lại uống vài ly và bán một lượt vé số cho mọi người. Trong bàn nhậu có ông Phạm Văn H1 hỏi ông H còn bao nhiêu tờ, ông H đưa ông H1 hết sấp vé số, ông H1 đếm có tổng cộng 143 tờ vé số, ứng với số tiền 1.430.000 đồng. Ông H1 chia nhỏ ra làm 5 tập đưa cho 05 anh em trên bàn nhậu (ông H không biết rõ hết tên). Sau đó có 1 người tên X có trả cho ông H số tiền 290.000 đồng, còn lại 1.140.000 đồng, ông H1 không trả mặc dù đã đòi nhiều lần.

Khi đưa 143 tờ vé số cho ông H1, giữa hai người không có sự thỏa thuận nào hết, ông H chỉ biết đưa vé số cho ông H1 thì lấy tiền từ ông H1. Khi mua vé số thì ông H1 nói mua thiếu, sau đó ông H1 có nói “*trong tập vé số này nếu trúng số, kể cả một tờ thì tôi trả tiền, nếu không trúng số không trả tiền*”. Tuy nhiên, ông H không trả lời vì ông nghĩ đây là câu nói chơi trên bàn nhậu. Vì trước đây ông cũng đã bán cho ông H1 nhiều lần nhưng những lần trước chỉ bán 01 hoặc 02 tờ, còn lần này ông H1 mua với số lượng lớn.

Sau khi bán xong vài ngày thì ông H có đến yêu cầu ông H1 trả tiền nhưng ông H1 không trả, đối với những người khác được nhận vé số từ ông H1 (ông K, ông C, ông H2) thì họ cho rằng việc mua vé số là ông H1 mua nên họ không có trách nhiệm trả cho ông H, họ nói vé số không có tờ nào trúng nên họ không có trách nhiệm phải đưa tiền cho ông H1.

Do ông H1 là người mua vé số của ông H và còn lại 114 tờ vé số chưa thanh toán nên ông H khởi kiện yêu cầu ông H1 trả số tiền nợ là 1.140.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* *Bị đơn – ông Phạm Văn H1 trình bày:* Ngày 04/11/2021 tại nhà ông Vương Văn K tổ chức tiệc nhậu, gồm có 05 người: ông K, C, X, H2 và ông H1. Mới bắt đầu vào tiệc, chưa ai uống rượu hay bia hết thì có ông H vào bán vé số. Ông H1 có hỏi ông H *“hôm nay còn bao nhiêu tờ tôi mua hết, sáng mai nếu trúng thì trả tiền, kể cả một tờ vé số, còn không trúng số thì không trả tiền”*. Ông H không trả lời gì và lấy tập vé số đếm và nói còn 143 tờ, sau đó giao cho ông H1. Ông H1 nhận lấy và đếm đủ 143 tờ và có nói với ông H *“trong tập vé số này nếu trúng số, kể cả một tờ thì tôi trả tiền, nếu không trúng số không trả tiền”*. Ông H có nói: *“chuyện đó không lớn”*. Ông H1 định cất tập vé số đó đi nhưng do bạn bè nói chia lại cho mỗi người mấy tờ nên ông H1 đồng ý và chia cho: Ông C 29 tờ, ông X 29 tờ, ông K 28 tờ, ông H2 28 tờ và ông H1 giữ lại 29 tờ. Ông H1 cũng nhắc lại với mọi người trên bàn nhậu *“nếu trúng số kể cả một tờ thì anh em đưa tiền cho tôi để tôi thanh toán cho anh Hiệp. Nếu không trúng thì không phải đưa”*, có cả anh Hiệp bán vé số chứng kiến. Sau khi giao kèo thỏa thuận mua bán vé số xong, tất cả mọi người có ông H cùng vui vẻ ngồi ăn uống. Cũng trong ngày này thì ông X có gửi lại tiền vé số cho ông H 29 tờ tương ứng với 290.000 đồng. Ông H1 xác định ông là người mua vé số của ông H nên ông là người có trách nhiệm trả tiền cho ông H. Tuy nhiên, do không có tờ vé số nào trúng như ông đã nói nên ông không trả tiền của ông H.

Tại phiên tòa, ông H1 xác định, ông H1 là người mua vé số của ông H và ông H1 là người có trách nhiệm trả tiền vé số cho ông H. Những người khác nhận vé số từ ông H1 nên không có trách nhiệm trả cho ông H.

Đối với việc ông H khởi kiện yêu cầu ông H1 trả số tiền vé số còn nợ 114 tờ, tương ứng với số tiền 1.140.000 đồng, ông H1 không đồng ý vì: Khi mua vé số của ông H thì giữa ông và ông H đã thỏa thuận bằng lời nói *“trong tập vé số này nếu trúng số, kể cả một tờ thì tôi trả tiền, nếu không trúng số không trả tiền”*. Giữa hai bên không có một văn bản giấy tờ giao kèo nào nhưng có thỏa thuận miệng và tự nguyện và ông H đồng ý nên đã lấy vé số ra đếm, giao cho ông H1.

* *Người làm chứng – ông Nguyễn Sinh C, ông Vương Văn K, ông Phùng Duy H2 cùng thống nhất trình bày:* Ông C và ông H1 đều là bạn bè, không có mối quan hệ bà con. Đối với ông H, ông C, ông X, ông H2 không quen biết.

Ngày 04/11/2021, khoảng 10 giờ 30 phút tại nhà ông Vương Văn K tổ chức tiệc nhậu, gồm có 05 người: ông K, C, X, H2 và ông H1. Mới bắt đầu vào tiệc, chưa ai uống rượu hay bia thì có ông H vào bán vé số. Ông H1 có hỏi ông H *“hôm nay còn bao nhiêu tờ tôi mua hết, sáng mai nếu trúng thì trả tiền, kể cả một tờ vé số, còn không trúng số thì không trả tiền”*. Ông H không trả lời gì, thái độ chần chừ và sau đó lấy trong giỏ xách tập vé số đếm và nói còn 143 tờ, sau đó giao cho ông H1. Ông H1 nhận lấy và đếm đủ 143 tờ và có nói với ông H *“trong tập vé số này nếu trúng số, kể cả một tờ thì tôi trả tiền, nếu không trúng số không trả tiền”*. Ông C, ông Sinh, ông H2 có nghe ông H nói là *“chuyện đó không lớn”*. Ông H1 định cất tập vé số đó đi nhưng do bạn bè, trong đó có ông C nói chia lại cho mỗi người mấy tờ nên ông H1 đồng ý và chia cho: Ông C 29 tờ, ông X 29 tờ, ông K 28 tờ, ông H2 28 tờ và ông H1 giữ lại 29 tờ. Sau đó, ông C cũng nghe ông H1 cũng nhắc lại với mọi người trên bàn nhậu *“nếu trúng số kể cả một tờ thì anh em đưa tiền cho tôi để tôi thanh toán cho anh Hiệp. Nếu không trúng thì không phải đưa”*. Sau khi giao kèo thỏa thuận mua bán vé số xong, tất cả mọi người có ông H cùng vui vẻ ngồi ăn uống. Cũng trong ngày này thì ông X có gửi lại tiền vé số cho ông H 29 tờ tương ứng với 290.000 đồng.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông H1 trả số tiền vé số còn lại là 1.140.000 đồng (sau khi trừ đi 290.000 đồng mà ông X đã trả), ông C, ông K, ông H2 xác định không có liên quan đến tranh chấp, sự việc như thế nào thì đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về nội dung vụ án: Ông H và ông H1 thống nhất việc ông H có giao 143 tờ vé số, mệnh giá 10.000 đồng/tờ, ông H1 đã nhận đủ 143 tờ vé số, tại thời điểm ông H1 nhận vé số thì nhà phát hành chưa mở kết quả xổ số. Hai bên thỏa thuận là nguyên đơn cho bị đơn nợ tiền. Ông H và ông H1 thống nhất trong 143 tờ vé số ông H1 nhận thì ông X có trả cho ông H 290.000 đồng (tương ứng với 29 tờ vé số) nên tổng số tờ vé số còn lại ông H1 nhận chưa thanh toán là 114 tờ. Như vậy, giữa ông H và ông H1 có xác lập quan hệ mua bán tài sản và đối tượng mua bán tài sản là vé số. Ông H1 không trả tiền cho ông H vì ông H1 cho rằng việc mua bán vé số giữa ông H1 và ông H có thỏa thuận nếu vé số trúng thì ông H1 mới trả tiền, còn không trúng thì không trả. Tuy nhiên, ông H xác định ông H không đồng ý với đề nghị của ông H1. Đồng thời, việc không trúng thưởng là

rủi ro mà bên mua phải chịu trách nhiệm kể từ thời điểm nhận tài sản (vé số). Lời khai của những người làm chứng là ông K, ông C, ông H2 không mang tính khách quan xét về mối quan hệ cũng như lợi ích. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu ông H1 trả số tiền vé số còn nợ 1.140.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430, 440, 441 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại Bộ luật dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Các đương sự thống nhất ngày 04/11/2021, ông H1 có mua vé số của ông H, tổng cộng 143 tờ vé số, mệnh giá 10.000 đồng/tờ. Sau khi ông H1 mua thì ông H1 có đưa cho ông C 29 tờ, ông X 29 tờ, ông K 28 tờ, ông H2 28 tờ và ông H1 29 tờ. Trong đó, ông X đã trả cho ông H 29 tờ, số tiền 290.000 đồng nên còn lại là 114 tờ vé số chưa trả tiền, tương ứng với số tiền chưa thanh toán là 1.140.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa ông H và ông H1 đã có nhiều lần mua bán vé số với nhau, trước đây, ông H1 có mua vé số của ông H nhưng số lượng chỉ 01, 02 tờ. Do vậy, giữa ông H và ông H1 có mối quan hệ quen biết trước khi bán vé số vào ngày 04/11/2021. Vào ngày 04/11/2021, ông H1 mua vé số của ông H1 có xác lập việc mua bán tài sản mà đối tượng là 143 tờ vé số, ông H1 là người mua vé số từ ông H và sau khi mua ông H1 có chia cho ông K, ông C, ông H2, ông X. Trong đó, ông X đã trả trực tiếp cho ông H số tiền 290.000 đồng (tương ứng với 29 tờ vé số). Còn lại 114 tờ vé số, ông H1 cho rằng ông là người mua nên ông K, ông C, ông H2 không có liên quan. Xét thấy, việc xác lập mua bán tài sản là vé số của các bên là sự thỏa thuận tự nguyện, ông H đã giao đầy đủ vé số cho ông H1. Ông H1 mua vé số của ông H nhưng chưa trả tiền cho ông H, đồng thời tại phiên tòa, ông H1 thừa nhận sau khi mua vé số thì khoảng một thời gian sau ông H có đến nhà để yêu cầu ông H1 trả tiền vé số nhưng ông H1 không đồng ý trả.

Nhận thấy, tại Nghị định 30/2007/NĐ-CP có quy định trách nhiệm, quyền hạn của khách hàng như sau: “...Trả đủ tiền cho người kinh doanh xổ số...”. Tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự quy định: “Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán có quyền chuyển sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”; Điều 440 của Bộ luật Dân sự cũng quy định: “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền...”; Điều 441 của Bộ luật Dân sự quy định: “...bên mua phải chịu rủi ro đối với tài sản kể từ thời điểm nhận tài sản”. Như vậy, việc kinh doanh xổ số là hoạt động kinh doanh dựa trên các sự kiện có kết quả ngẫu nhiên, được tổ chức theo nguyên tắc doanh nghiệp thu tiền tham gia dự thưởng của khách hàng và thực hiện trả thưởng cho khách hàng khi trúng thưởng. Vé số là phương tiện do doanh nghiệp kinh doanh xổ số phát hành để phân phối cho khách hàng. Khi tham gia mua vé số ông H1 nhận thức được kết quả xổ số có thể trúng hoặc không trúng, thời điểm ông H1 mua vé số và thời điểm mở thưởng có khoảng cách thời gian xa nhau, ông H1 thỏa thuận mua vé số của ông H và đã nhận đủ vé số nên ông H1 phải chịu trách nhiệm rủi ro đối với tài sản của mình. Từ khi nhận vé số đến nay ông H1 vẫn chưa trả tiền cho ông H. Xét thấy, lời trình bày của ông H1 về việc không trả tiền cho ông H do không có tờ vé số trúng là không phù hợp với giao dịch mua bán và thuận phong, mỹ tục tại địa phương. Lời khai của những người làm chứng là ông K, ông C, ông H2 không mang tính khách quan xét về mối quan hệ cũng như lợi ích. Do ông H1 là người mua vé số, đã nhận đủ vé số nên phải có trách nhiệm trả tiền cho người bán vé số.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với ông Phạm Văn H1. Buộc ông Phạm Văn H1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền đã mua vé số là 1.140.000 đồng.

[3] Về thời gian trả và cách thức trả: Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Văn H1 phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 440, 441, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với ông Phạm Văn H1.

Buộc ông Phạm Văn H1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 1.140.000 đồng (một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

Ông Phạm Văn H1 phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông H số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010912 ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Ông H và ông H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật